

Số: /QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt phương án di dời và hỗ trợ các hộ dân đang sinh sống tại nhà số 181 và 207, đường Hoàng Văn Thụ, phường Nam Định

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 27 tháng 11 năm 2023; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật Các tổ chức tín dụng ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở; Nghị định số 98/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ ý kiến thống nhất của tập thể Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh (Thông báo số 87/TB-VPUBND ngày 08 tháng 5 năm 2026 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 238/TTr-SXD ngày 06 tháng 5 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án di dời và hỗ trợ các hộ dân đang sinh sống tại nhà số 181 và 207, đường Hoàng Văn Thụ, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình (chi tiết theo Phương án kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Tư pháp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Nam Định và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy (để báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (để báo cáo);
- BTV Đảng ủy UBND tỉnh (để báo cáo);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Đảng ủy phường Nam Định;
- Văn phòng UBND tỉnh: CVP, các PCVP và các VP: 2,3,5,6,7;
- Lưu: VT, VP4.

DAH_VP4_QĐ

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Anh Dũng

PHƯƠNG ÁN
DI DỜI VÀ HỖ TRỢ CÁC HỘ DÂN ĐANG SINH SỐNG TẠI NHÀ
SỐ 181 VÀ 207 ĐƯỜNG HOÀNG VĂN THỤ, PHƯỜNG NAM ĐỊNH
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 5 năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)

I. Tính cấp thiết xây dựng phương án

Nhà chung cư tại số 181 và 207 đường Hoàng Văn Thụ, phường Nam Định là 02 khối nhà ở thuộc tài sản công được xây dựng từ những năm 1940 và 1954, tổng diện tích 02 khu đất khoảng 1.120 m², xung quanh giáp nhà dân, có lối đi chung, nhỏ, hẹp. Khu nhà số 181 có bề rộng khoảng 10 m tiếp xúc trực tiếp với mặt đường Hoàng Văn Thụ; khu nhà số 207 có bề rộng khoảng 3,5 m tiếp xúc trực tiếp với mặt đường Hoàng Văn Thụ.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, Sở Xây dựng Nam Định (cũ) đã có Văn bản số 1129/SXD-CCGĐXD báo cáo kết quả kiểm định chất lượng đối với 02 khu nhà chung cư số 181 và 207 Hoàng Văn Thụ, kết quả khảo sát kiểm định chất lượng hiện trạng công trình 02 khu nhà trên được đánh giá mức độ nguy hiểm cấp D, không bảo đảm khả năng chịu lực và điều kiện sử dụng bình thường, xuất hiện tình trạng nguy hiểm tổng thể. Như vậy, 02 nhà chung cư trên thuộc trường hợp phải phá dỡ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 59 Luật Nhà ở 2023.

Hiện trạng công trình xuống cấp nghiêm trọng như trần, tường bong tróc, thấm dột; kết cấu thép hoen gỉ; hệ thống điện không bảo đảm an toàn; vật liệu dễ cháy; tiềm ẩn nguy cơ cao sập đổ, cháy nổ, đặc biệt là trong điều kiện mưa, bão.

Để đảm bảo an toàn tính mạng và tài sản của người dân sinh sống tại 02 khu nhà trên, nhất là trong mùa mưa bão năm 2026; việc di dời, hỗ trợ các hộ dân đang sinh sống tại số nhà 181 và 207 đường Hoàng Văn Thụ, phường Nam Định là hết sức cần thiết và cần phải thực hiện ngay.

II. Cơ sở pháp lý

- Luật Nhà ở ngày 27 tháng 11 năm 2023; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản số và Luật Các tổ chức tín dụng ngày 29 tháng 6 năm 2024;

- Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở;

- Nghị định số 98/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư;

- Quyết định số 1541/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc Quy định giá cho thuê phòng ở tại Cụm nhà ở sinh viên tập trung phường Nam Định;

- Các văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh và ý kiến của các sở, ngành, địa phương có liên quan.

III. Thực trạng khu nhà

1. Về hiện trạng khu nhà

- Khu nhà số 181 được xây dựng từ những năm 1954, diện tích sử dụng đất là 579,9 m²; 02 tầng, có kết cấu tường chịu lực, sàn gỗ, sàn sang gạch, mái lợp ngói.

- Khu nhà số 207 được xây dựng từ những năm 1940, diện tích sử dụng khu đất là 522,4 m²; 03 tầng, có kết cấu tường chịu lực, sàn gạch, mái lợp ngói.

- Từ năm 2001, Công ty Kinh doanh và Phát triển nhà ở Nam Định (cũ) là đơn vị quản lý khi đó, đã lập biên bản đình chỉ sử dụng, ngừng ký hợp đồng thuê nhà với các hộ dân do công trình đã không còn đủ điều kiện để ở. Đến năm 2012, Công ty TNHH MTV Công trình đô thị Nam Định (nay là Công ty Cổ phần Công trình đô thị Nam Định) phối hợp với Ủy ban nhân dân phường Nguyễn Du (cũ) tổ chức vận động người dân di dời, đồng thời các hộ dân đã ký cam kết tự di dời và tự chịu trách nhiệm nếu tiếp tục cư trú tại đây. Tuy nhiên, do phần lớn cư dân là người cao tuổi, thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn, không có nơi ở khác, nên đến nay nhiều hộ vẫn buộc phải tiếp tục sinh sống trong các căn hộ của 02 khối nhà đã xuống cấp nghiêm trọng, mất an toàn.

2. Về thực trạng các hộ dân tại 02 khu nhà

2.1. Khu nhà số 181

- Tổng số hộ gia đình đã và đang sinh sống tại khu nhà: 26 hộ, trong đó:

+ Có 25 hộ dân đang thực tế sinh sống, tổng số có 62 nhân khẩu; trong đó có 01 hộ nghèo; 01 hộ cận nghèo; 01 hộ thuộc đối tượng bảo trợ tâm thần.

+ 01 hộ hiện nhà đang bỏ không (*chủ đã chết*).

- Về hợp đồng thuê nhà ở (*theo số liệu của đơn vị quản lý, vận hành*): Có 15 hộ có hợp đồng thuê nhà trong đó: 02 hộ có hợp đồng chính chủ; 13 hộ có hợp đồng thuê mang tên người khác chưa sang tên, các hộ sang nhượng hợp đồng bằng hình thức viết tay.

- Danh sách các hộ dân: *Chi tiết theo Phụ lục I kèm theo.*

2.2. Khu nhà số 207

- Tổng số hộ gia đình đã và đang sinh sống tại khu nhà: 24 hộ, trong đó:

+ Có 22 hộ dân đang thực tế sinh sống, tổng có 69 nhân khẩu; trong đó có 03 hộ nghèo.

+ Có 02 hộ dân đã tự thuê nhà bên ngoài ở do nhà xuống cấp (*02 nhân khẩu*).

- Về hợp đồng thuê nhà ở (*theo số liệu của đơn vị quản lý, vận hành*): Có 12 hộ có hợp đồng thuê nhà trong đó: 01 hộ có hợp đồng chính chủ; 11 hộ có hợp đồng thuê mang tên người khác chưa sang tên, các hộ sang nhượng hợp đồng bằng hình thức viết tay.

- Danh sách các hộ dân: *Chi tiết theo Phụ lục I kèm theo.*

2.3. Về nhu cầu hỗ trợ

- Tại nhà số 181:

Tổng số hộ	Nhu cầu hỗ trợ chỗ ở tạm thời		Nhu cầu hỗ trợ tiền tự thuê nhà ở		Ghi chú
	Số hộ	Số nhân khẩu	Số hộ	Số nhân khẩu	
26	23	53	02	09	01 hộ (<i>chủ đã chết</i>), nhà đang để không

- Tại nhà số 207:

Tổng số hộ	Nhu cầu hỗ trợ chỗ ở tạm thời		Nhu cầu hỗ trợ tiền tự thuê nhà ở		Ghi chú
	Số hộ	Số nhân khẩu	Số hộ	Số nhân khẩu	
24	23	68	01	03	- 02 hộ nhà xuống cấp đã tự lo chỗ ở khác (<i>02 nhân khẩu</i>) đề xuất hỗ trợ chỗ ở tạm thời - 01 đề xuất hỗ trợ tiền tự thuê nhà

(Theo số liệu khảo sát và số liệu báo cáo của Ủy ban nhân dân phường Nam Định tại văn bản số 826/UBND-KTHTĐT ngày 17 tháng 4 năm 2026)

2.4. Đánh giá chung

- Khu nhà số 181 và 207 Hoàng Văn Thụ đã xuống cấp trầm trọng, được đánh giá mức độ nguy hiểm cấp D, khả năng chịu lực của một số bộ phận kết cấu không thể đáp ứng yêu cầu sử dụng bình thường, xuất hiện tình trạng nguy hiểm tổng thể; tường ngăn giữa các hộ bằng liếp, gỗ gây mất an toàn cháy nổ.

- Các hộ dân đang sinh sống trong 02 khu nhà trên đa số đều là lao động tự do, người cao tuổi và học sinh, sinh viên... Diện tích sinh hoạt của mỗi hộ rất chật hẹp, chỉ từ (10÷20)m², khu phụ chung ở xa, tách rời nơi ở và xuống cấp; ảnh hưởng nghiêm trọng đến điều kiện sống, sức khỏe và an toàn tính mạng.

- Đa số các hộ dân ở khu nhà không có hợp đồng thuê nhà chính chủ, chỉ có giấy tờ mua bán, chuyển nhượng hợp đồng viết tay.

IV. Phương án tổ chức thực hiện

Do các hộ dân đang sinh sống tại khu nhà số 181 và 207 đường Hoàng Văn Thụ hầu hết đều có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không còn nơi ở nào khác; đồng thời trên địa bàn phường Nam Định, quỹ nhà ở thuộc tài sản công không còn; chưa có nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp để thuê, thuê mua, mua.

1. Quan điểm

- Di dời 100% các hộ dân ra khỏi khu nhà số 181 và 207 đường Hoàng Văn Thụ.

- Chỉ hỗ trợ các hộ dân đang thực tế sinh sống tại 02 khu nhà (*theo số liệu điều tra, quản lý của Ủy ban nhân dân phường Nam Định*) và có nhu cầu hỗ trợ.

- Bố trí chỗ ở tạm thời tại Khu nhà ở sinh viên tập trung phường Nam Định đối với các hộ dân có nhu cầu hỗ trợ chỗ ở và các hộ dân có nhu cầu hỗ trợ tiền để thuê nhà ở; dự kiến thời gian hỗ trợ 36 tháng hoặc đến khi dự án Cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư tại phường Nam Định hoàn thành và đưa vào sử dụng (*không thu tiền thuê nhà*). Các hộ dân tự chi trả các loại phí theo quy định của nhà nước (*gồm: Tiền điện, tiền nước; tiền trông giữ xe máy, xe đạp...*) theo quy định.

2. Nguyên tắc hỗ trợ

2.1. Đối với các trường hợp người già, neo đơn; người có biểu hiện tâm thần đề nghị đưa vào trung tâm bảo trợ xã hội để có người chăm sóc (*nếu có*).

2.2. Đối với các trường hợp đã tự đi thuê nhà ở nơi khác (*do nhà xuống cấp nên không thể ở và đã chuyển đi nơi khác thuê*) và các trường hợp đang thực tế sinh sống tại khu nhà trên (*theo xác nhận của Ủy ban nhân dân phường Nam Định*): Bố trí nơi ở tạm thời tại khu nhà ở sinh viên tập trung phường Nam Định.

3. Dự kiến phương án và kinh phí thực hiện hỗ trợ cho các hộ dân

Dự kiến phương án thực hiện việc bố trí chỗ ở tạm thời cho các hộ dân có nhu cầu hỗ trợ về nhà ở như sau:

- Đối với các hộ dân tại nhà số 181: Tổng kinh phí hỗ trợ 1.046.148.000 đồng, trong đó:

+ Kinh phí chi trả tiền thuê nhà trong vòng 36 tháng (*dự kiến*): 25 hộ: 26.893.000 đồng/tháng x 36 tháng = 968.148.000 đồng.

+ Kinh phí hỗ trợ di chuyển: 26 hộ x 3.000.000 đồng/hộ = 78.000.000 đồng.

- Đối với các hộ dân tại nhà số 207: Tổng kinh phí hỗ trợ: 973.584.000 đồng, trong đó:

+ Kinh phí chi trả tiền thuê nhà trong vòng 36 tháng (*dự kiến*) cho 24 hộ: 25.044.000 đồng/tháng x 36 tháng = 901.584.000 đồng.

+ Kinh phí hỗ trợ di chuyển: 24 hộ x 3.000.000 đồng/hộ = 72.000.000 đồng.

- Tổng kinh phí dự kiến hỗ trợ: 1.046.148.000 đồng + 973.584.000 đồng = 2.019.732.000 đồng.

(Kinh phí sẽ được xác định cụ thể theo cơ chế, chính sách hỗ trợ di dời các hộ dân đang sinh sống tại nhà số 181 và 207 đường Hoàng Văn Thụ sau khi được Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành theo quy định)

4. Dự kiến cơ chế hỗ trợ cho các hộ dân khi các Dự án nhà ở hoàn thành

- Ưu tiên bố trí cho các hộ dân có nhu cầu thuê nhà tại Dự án xây dựng, cải tạo chung cư cũ trên địa bàn phường Nam Định (*đã có trong Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2021-2030 được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 31 tháng 12 năm 2025 và Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 839/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm*

2026) sau khi khu nhà này hoàn thành, đưa vào sử dụng. Căn cứ tình hình thực tế các hộ dân thuê nhà ở tại Dự án xây dựng, cải tạo chung cư cũ trên địa bàn phường Nam Định được dự kiến hỗ trợ tiền thuê nhà như sau:

- + Trường hợp các hộ dân có thu nhập hàng tháng được hỗ trợ 50% tiền thuê nhà.
- + Trường hợp không có thu nhập, sống bằng trợ cấp hàng tháng được hỗ trợ 100% tiền thuê nhà.

(Các cơ chế hỗ trợ cụ thể áp dụng theo cơ chế, chính sách hỗ trợ di dời các hộ dân đang sinh sống tại nhà số 181 và 207 đường Hoàng Văn Thụ sau khi được Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành theo quy định)

V. Tổ chức thực hiện

1. Dự kiến thời gian, tiến độ thực hiện

- Trong tháng 5 năm 2026: Ủy ban nhân dân phường Nam Định chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng tiếp xúc, tuyên truyền về phương án di dời; vận động người dân tự di dời.
- Trong tháng 5 và tháng 6 năm 2026: Tổ chức di dời theo phương án và tổ chức cưỡng chế di dời *(nếu cần thiết)*.

2. Trách nhiệm của các đơn vị

2.1. Sở Xây dựng

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về tính chính xác của thông tin, số liệu báo cáo.
- Tham mưu, xây dựng Nghị quyết đề sớm trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, ban hành quy định chính sách hỗ trợ di dời khẩn cấp các hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng nhà ở cũ thuộc tài sản công tại số nhà 181 và 207 đường Hoàng Văn Thụ, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình.
- Chỉ đạo Ban Quản lý nhà ở Ninh Bình chủ động bố trí phòng ở tại Khu nhà D, cụm nhà ở sinh viên phường Nam Định để bố trí chỗ ở tạm thời cho các hộ dân đang sinh sống tại nhà số 181 và 207 làm cơ sở thực hiện việc di dời.
- Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định cưỡng chế thu hồi nhà ở khi các hộ dân không thực hiện bàn giao nhà ở theo quy định *(nếu cần thiết)*.

2.2. Sở Tài chính

- Tham mưu việc bố trí kinh phí thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ theo quy định.
- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo triển khai thực hiện Dự án xây dựng, cải tạo chung cư cũ trên địa bàn phường Nam Định theo quy định, đáp ứng tiến độ yêu cầu.

2.3. Ủy ban nhân dân phường Nam Định

- Công khai phương án di dời, hỗ trợ các hộ dân theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các đơn vị có liên quan thực hiện việc di dời các hộ dân đang sinh sống tại số nhà 181 và 207 đường Hoàng Văn Thụ, phường Nam Định ra khu nhà D, cụm nhà ở sinh viên tập trung phường Nam Định. Trường hợp các hộ dân không thực hiện di dời, Ủy ban nhân dân phường Nam Định tổ chức thực hiện cưỡng chế theo quy định./.

Phụ lục I
DANH SÁCH CÁC HỘ SINH SỐNG TẠI KHU NHÀ SỐ 181 VÀ 207
ĐƯỜNG HOÀNG VĂN THỤ, PHƯỜNG NAM ĐỊNH VÀ NHU CẦU HỖ TRỢ
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)

STT	Họ và tên chủ hợp đồng trước đây	Số hợp đồng	Họ và tên chủ hộ đang ở	Các thành viên ở cùng	Vị trí	Tổng số nhân khẩu	Nhu cầu hỗ trợ bằng tiền để thuê nhà	Nhu cầu bố trí chỗ ở tạm thời
I	Nhà số 181					62		
1	Tô Văn Chí	381/2002	Tô Văn Chí	Tô Văn Tú	Tầng 1	2		x
2	Phạm Hùng Chiến	1121/2000 (116/2011)	Nguyễn Thị Vân Anh		Tầng 1	3		x
3			Bùi Văn Nhân		Tầng 1	3		x
4			Phạm Văn Phong (1949)		Tầng 1	1		x
5	Trần Quốc Ân	1174/1991	Trần Thị Sâm (1955)	Bùi Nguyệt Nga (1985)	Tầng 1	4		x
				Bùi Quốc Nam (2009)	Tầng 1			
				Bùi Quốc Nhật (2011)	Tầng 1			
6			Tạ Xuân Ngọc		Tầng 1	2		x
7			Trần Xuân Hà (1966)		Tầng 1	4		x

STT	Họ và tên chủ hợp đồng trước đây	Số hợp đồng	Họ và tên chủ hộ đang ở	Các thành viên ở cùng	Vị trí	Tổng số nhân khẩu	Nhu cầu hỗ trợ bằng tiền để thuê nhà	Nhu cầu bố trí chỗ ở tạm thời
8	Nguyễn Ngọc Sơn	784/2006	Nguyễn Ngọc Sơn (1947)	Nguyễn Thị Nghĩa (1963)	Tầng 1	4	x	
				Nguyễn Thái Hoàng (1995)				
				Trần Thu Hạnh (1999)				
9	Phạm Văn Phát	2656/1991	Trần Thị Loan		Tầng 1	1		x
10	Định Thị Quy	794/1995	Nguyễn Thị Hợi (1947)		Tầng 1	1		x
11			Trần Thị Huệ (1959)	Dương Văn Quyết (1989)	Tầng 1	2		x
12			Dương Minh Tuấn		Tầng 1	1		x
13	Vũ Trường Lễ	1071/2000	Vũ Thị Vân Anh		Tầng 1	1		x
14			Bùi Quốc Hưng (1978)		Tầng 1	4		x
15			Hoàng Thị Bốn (1956)	Phạm Thị Thanh (1986)	Tầng 2	3		x
				Vũ Anh Tú (2007)				
16			Ngô Thị Bình (Đình Bá Ổn)		Tầng 2			

STT	Họ và tên chủ hợp đồng trước đây	Số hợp đồng	Họ và tên chủ hộ đang ở	Các thành viên ở cùng	Vị trí	Tổng số nhân khẩu	Nhu cầu hỗ trợ bằng tiền để thuê nhà	Nhu cầu bố trí chỗ ở tạm thời
17	Lê Thanh Huyền	1645/1991	Nguyễn Thị Như Mai (1956)		Tầng 2	4		x
18			Tiết Thị Nguyệt (1952)		Tầng 2	1		x
19	Trần Văn Thám	605/1996	Trần Duy Hưng (1960)	Trần Thị Vân (1975)	Tầng 2	5		x
				Trần Thị Thu Hằng (1998)				
				Trần Thị Thu Hoa (2012)				
				Trần Ngọc Hân (2025)				
20	Trần Văn Thịnh	604/1996	Nguyễn Thị Dậu	Đỗ Mạnh Quân	Tầng 2	2		x
21	Hoàng thị Nhón	2392/1991	Phạm Kim Dung (1945)	Vũ Thị Lan Hương (1980)		3		x
				Vũ Thị Thu Trang (1999)				
22	Nguyễn Hồng Kỹ	1506/1999	Nguyễn Thị Thu Hằng (1984)	Bùi Quang Tạo (1976)	Tầng 2	5	x	

STT	Họ và tên chủ hợp đồng trước đây	Số hợp đồng	Họ và tên chủ hộ đang ở	Các thành viên ở cùng	Vị trí	Tổng số nhân khẩu	Nhu cầu hỗ trợ bằng tiền để thuê nhà	Nhu cầu bố trí chỗ ở tạm thời
				Bùi Tuấn An (2012)				
				Bùi Trâm Anh (2014)				
				Bùi Thảo Anh (2023)				
23	Nguyễn Thị Ngọc	173/1991	Nguyễn Quang Dũng		Tầng 2	1		x
24	Bùi Quốc Chung	492/1996	Trịnh Văn Quý		Tầng 2	2		x
25			Bùi Quốc Đức (1980)	Ngô Thị Hoài	Tầng 2	2		x
26	Nguyễn Đình Tiểu	1750/1991	Trần Thuận Hải		Tầng 2	1		
II	Nhà số 207					71		
1	Trần Văn Tiến	232/2010	Trần Văn Tiến	Nguyễn Thị Thoa (1961)	Tầng 1+ tầng 2	7		x
				Trần Văn Thành (1982)				
				Bùi Thị Phương Dung (1982)				
				Trần Thành Đạt (2013)				

STT	Họ và tên chủ hợp đồng trước đây	Số hợp đồng	Họ và tên chủ hộ đang ở	Các thành viên ở cùng	Vị trí	Tổng số nhân khẩu	Nhu cầu hỗ trợ bằng tiền để thuê nhà	Nhu cầu bố trí chỗ ở tạm thời
				Trần Thảo Vy (2016)				
				Trần Long Vũ (2016)				
2			Phạm Thị Tuất (1949)	Nguyễn Đức Giang (1976)	Tầng 1	5		x
				Vũ Thị Phương (1981)				
				Nguyễn Trung Nguyên (2004)				
				Nguyễn Bạch Dương (2011)				
3			Lã Thành Nam (1965)	Vũ Thị Thu Hà (1968)	Tầng 1	3		x
				Lã Hoàng Giang (1995)				
4			Vũ Thị Hà	Nguyễn Thành Trung (1978)	Tầng 1	4		x
				Nguyễn Hà Anh (2006)				
				Nguyễn Trường Giang (2012)				
5			Phùng Nguyệt Chấn (1951)	Nguyễn Văn Hà (1975)	Tầng 1	5		x

STT	Họ và tên chủ hợp đồng trước đây	Số hợp đồng	Họ và tên chủ hộ đang ở	Các thành viên ở cùng	Vị trí	Tổng số nhân khẩu	Nhu cầu hỗ trợ bằng tiền để thuê nhà	Nhu cầu bố trí chỗ ở tạm thời
				Nguyễn Thị Nam (1977)				
				Nguyễn Nam Sang (2006)				
				Nguyễn Hà Thiệp (2008)				
6			Đào Thị Mai Phương (1954)	Nguyễn Văn Chí (1952)	Tầng 1	2		x
7	Trần Thị Kim Tiến	769/76	Trần Thị Việt Anh		Tầng 1	1		x
8			Trần Văn Thành (bà Hương)		Tầng 1	1		x
9	Trần Thị Hợp (1957)	452/1996	Trần Đình Cường (1954)	Trần Thị Kim Oanh (1963)	Tầng 1	2		x
10			Lê Thị Long (1947)		Tầng 1	1		x
11			Phạm Văn Thìn (1975)	Phạm Thị Nga (1977)	Tầng 1	4		x
				Phạm Thị Huệ (1998)				
				Phạm Anh Tú (2006)				
12			Nguyễn Trung Cường (1980)		Tầng 1	1		x
13			Vũ Thị Bích		Tầng 1	1		x
14	Hoàng Văn Cẩm	2361/1991	Phạm Thị Dung (1956)	Phạm Kim Yên (1965)	Tầng 2	2		x

STT	Họ và tên chủ hợp đồng trước đây	Số hợp đồng	Họ và tên chủ hộ đang ở	Các thành viên ở cùng	Vị trí	Tổng số nhân khẩu	Nhu cầu hỗ trợ bằng tiền để thuê nhà	Nhu cầu bố trí chỗ ở tạm thời
15		Nguyễn Thị Tuyết	Trần Văn Tự (1946)		Tầng 2	1		x
16			Trần Đình Tự (1957)		Tầng 3	1		x
17			Trần Thị Thủy		Tầng 3	1		x
18	Trần Văn Xương (đã mất)		Trần Mạnh Tường	Nguyễn Thị Minh Thu (1985)	Tầng 2	4		x
				Trần Mạnh Đạt (2015)				
				Nguyễn Trang Anh (2010)				
19	Trần Văn Xương (đã mất)	2587/1991	Trần Trọng Tâm	Vũ Thị Hương Lan (1978)	Tầng 2	5		x
				Trần Thảo Yên (2008)				
				Trần Khánh Linh (2009)				
				Trần Vũ Phong (2015)				
20			Trần Văn Nghĩa	Trần Đức Tùng (1993)	Tầng 3	2		x
21	Nguyễn Thị Tuyết, Nguyễn Viết Hưng và một số hợp đồng khác	145/1994 2529/1991	Vũ Trọng Văn	Phạm Thị Kim Thanh (1966)	Tầng 2 + tầng 2	3	x	
				Vũ Huy Khôi (1936)				

STT	Họ và tên chủ hợp đồng trước đây	Số hợp đồng	Họ và tên chủ hộ đang ở	Các thành viên ở cùng	Vị trí	Tổng số nhân khẩu	Nhu cầu hỗ trợ bằng tiền để thuê nhà	Nhu cầu bố trí chỗ ở tạm thời
22			Vũ Ngọc Oánh (1947)	Vũ Mạnh Hùng (1980)	Tầng 3	7		x
				Bùi Thị Huệ (1983)				
				Vũ Mạnh Thành (1985)				
				Vũ Thị Hương (1989)				
				Vũ Thái Toàn (2011)				
				Vũ Thái Tài (2019)				
23	Nguyễn Văn Hậu		Trịnh Thị Ngát (1961)	Nguyễn Thị Vân Anh (1985)	Tầng 3	5		x
				Nguyễn Anh Tuấn (1992)				
				Nguyễn Thủy Ánh (2012)				
				Nguyễn Công Huy (2019)				
24	Nguyễn Văn Tùng		Hoàng Thị Hoa	Phạm Quốc Trung (2007)	Tầng 3	3		x
				Phạm Hương Thu (2010)				

Ghi chú: Thông tin, số liệu được xác định tại thời điểm lập Phương án di dời và hỗ trợ các hộ dân sinh sống tại nhà số 181 và 207 đường Hoàng Văn Thụ, phường Nam Định. Trong quá trình thực hiện sẽ tiếp tục rà soát, cập nhật bảo đảm đầy đủ, chính xác, đúng với thực tế.

Phụ lục II**DỰ KIẾN PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP PHÒNG CHO CÁC HỘ DÂN CÓ NHU CẦU BỐ TRÍ CHỖ Ở TẠM THỜI VÀ KINH PHÍ PHÒNG TẠI KHU NHÀ D KHU KÝ TỨC XÁ SINH VIÊN TẬP TRUNG PHƯỜNG NAM ĐỊNH***(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)*

STT	Họ tên chủ hộ	Nhân khẩu (theo thống kê)	Địa chỉ đang ở	Vị trí phòng dự kiến bố trí ở tạm	Thông số cơ bản				Giá phòng (đồng/tháng)	Dịch vụ vệ sinh (đồng/tháng)	Tổng cộng chi phí thuê ở (đồng/tháng)
					Diện tích phòng (m ²)	Số ở theo thiết kế (người/phòng)	Số giường (chiếc)	Bình nóng lạnh			
I	Số nhà 207										
1	Trần Văn Tiến	7	207	103D	38,40	8	4	Không	1.056.000	64.000	1.120.000
2	Phạm Thị Tuất (1949)	5	207	104D	38,40	8	4	Không	1.056.000	64.000	1.120.000
3	Lã Thành Nam	3	207	105D	38,40	8	4	Không	1.056.000	64.000	1.120.000
4	Vũ Thị Hà	4	207	106D	38,40	8	4	Không	1.056.000	64.000	1.120.000
5	Phùng Nguyệt Chấn (1951)	5	207	107D	38,40	8	4	Không	1.056.000	64.000	1.120.000
6	Đào Mai Phương (1954)	2	207	110D	38,40	8	4	Có	1.152.000	48.000	1.200.000
7	Trần Thị Việt Anh	1	207	111D	38,40	8	4	Có	1.152.000	64.000	1.216.000
8	Trần Văn Thành (bà Hương)	1	207	109D	29,00	6	3	Có	870.000	48.000	918.000
9	Trần Đình Cường (1954)	2	207	112D	38,40	8	4	Có	1.152.000	64.000	1.216.000
10	Lê Thị Long (1947)	1	207	113D	38,40	8	4	Có	1.152.000	64.000	1.216.000

STT	Họ tên chủ hộ	Nhân khẩu (theo thống kê)	Địa chỉ đang ở	Vị trí phòng dự kiến bố trí ở tạm	Thông số cơ bản				Giá phòng (đồng/tháng)	Dịch vụ vệ sinh (đồng/tháng)	Tổng cộng chi phí thuê ở (đồng/tháng)
					Diện tích phòng (m ²)	Số ở theo thiết kế (người/phòng)	Số giường (chiếc)	Bình nóng lạnh			
11	Phạm Văn Thìn (1975)	4	207	114D	38,40	8	4	Có	1.152.000	64.000	1.216.000
12	Nguyễn Trung Cường (1980)	1	207	201D	29,00	6	3	Không	795.000	48.000	843.000
13	Vũ Thị Bích	1	207	202D	29,00	6	3	Không	795.000	48.000	843.000
14	Phạm Thị Dung (1956)	2	207	203D	38,40	8	4	Không	1.056.000	64.000	1.120.000
15	Trần Văn Tụ (1946)	1	207	212D	18,85	4	2	Không	518.000	32.000	550.000
16	Trần Đình Tụ (1957)	1	207	213D	18,85	4	2	Không	518.000	32.000	550.000
17	Trần Thị Thủy	1	207	218D	29,00	6	3	Có	870.000	48.000	918.000
18	Trần Mạnh Tường	4	207	204D	38,40	8	4	Không	1.056.000	64.000	1.120.000
19	Trần Trọng Tâm	5	207	205D	38,40	8	4	Không	1.056.000	64.000	1.120.000
20	Trần Văn Nghĩa	2	207	219D	29,00	6	3	Có	870.000	48.000	918.000
21	Vũ Ngọc Oánh (1947)	7	207	206D	38,40	8	4	Không	1.056.000	64.000	1.120.000
22	Trịnh Thị Ngát (1961)	5	207	207D	38,40	8	4	Không	1.056.000	64.000	1.120.000
23	Hoàng Thị Hoa	3	207	208D	38,40	8	4	Không	1.056.000	64.000	1.120.000
24	Vũ Trọng Văn	3	207	309D	38,40	8	4	Không	1.056.000	64.000	1.120.000
	Tổng cộng	71							23.668.000	1.376.000	25.044.000

STT	Họ tên chủ hộ	Nhân khẩu (theo thống kê)	Địa chỉ đang ở	Vị trí phòng dự kiến bố trí ở tạm	Thông số cơ bản				Giá phòng (đồng/tháng)	Dịch vụ vệ sinh (đồng/tháng)	Tổng cộng chi phí thuê ở (đồng/tháng)
					Diện tích phòng (m ²)	Số ở theo thiết kế (người/phòng)	Số giường (chiếc)	Bình nóng lạnh			
II	Số nhà 181										
1	Tô Văn Chí (1962)	2	181	301D	29,00	3	3	Không	795.000	48.000	843.000
2	Nguyễn Thị Vân Anh (1973)	3	181	209D	38,40	8	4	Không	1.056.000	64.000	1.120.000
3	Phạm Kim Dung (1945)	3	181	108D	29,00	6	3	Không	795.000	48.000	843.000
4	Bùi Văn Nhân	3	181	210D	38,40	8	4	Không	1.056.000	64.000	1.120.000
5	Phạm Văn Phong (1949)	1	181	302D	29,00	6	3	Không	795.000	48.000	843.000
6	Bùi Thị Sâm (1955)	4	181	211D	38,40	8	4	Không	1.056.000	64.000	1.120.000
7	Tạ Xuân Ngọc	2	181	214D	38,40	8	4	Có	1.152.000	64.000	1.216.000
8	Trần Xuân Hà (1966)	4	181	215D	38,40	8	4	Có	1.152.000	64.000	1.216.000
9	Trần Thuận Hải	1	181	312D	18,85	4	2	Không	518.000	32.000	550.000
10	Trần Thị Loan (1960)	1	181	216D	38,40	8	4	Có	1.152.000	64.000	1.216.000
11	Nguyễn Thị Hợi (1947)	1	181	217D	38,40	8	4	Có	1.152.000	64.000	1.216.000
12	Trần Thị Huệ (1959)	2	181	220D	38,40	8	4	Có	1.152.000	64.000	1.216.000

STT	Họ tên chủ hộ	Nhân khẩu (theo thống kê)	Địa chỉ đang ở	Vị trí phòng dự kiến bố trí ở tạm	Thông số cơ bản				Giá phòng (đồng/tháng)	Dịch vụ vệ sinh (đồng/tháng)	Tổng cộng chi phí thuê ở (đồng/tháng)
					Diện tích phòng (m ²)	Số ở theo thiết kế (người/phòng)	Số giường (chiếc)	Bình nóng lạnh			
13	Vũ Thị Vân Anh	1	181	221D	38,40	8	4	Có	1.152.000	64.000	1.216.000
14	Dương Minh Tuấn	1	181	222D	38,40	8	4	Có	1.152.000	64.000	1.216.000
15	Bùi Quốc Hưng (1978)	4	181	223D	38,40	8	4	Có	1.152.000	64.000	1.216.000
16	Hoàng Thị Bôn (1956)	3	181	224D	38,40	8	4	Có	1.152.000	64.000	1.216.000
17	Nguyễn Thị Như Mai	4	181	303D	38,40	8	4	Không	1.056.000	64.000	1.120.000
18	Tiết Thị Nguyệt	1	181	101D	29,00	6	3	Không	795.000	48.000	843.000
19	Nguyễn Thị Đậu	2	181	102D	29,00	6	3	Không	795.000	48.000	843.000
20	Trần Duy Hưng (1960)	5	181	304D	38,40	8	4	Không	1.056.000	64.000	1.120.000
21	Nguyễn Quang Dũng	1	181	306D	38,40	8	4	Không	1.056.000	48.000	1.104.000
22	Trịnh Văn Quý (1958)	2	181	307D	38,40	8	4	Không	1.056.000	64.000	1.120.000
23	Bùi Quốc Đức (1980)	2	181	308D	38,40	8	4	Không	1.056.000	64.000	1.120.000
24	Nguyễn Thị Thu Hằng (1984)	5	181	310D	38,40	8	4	Không	1.056.000	64.000	1.120.000

STT	Họ tên chủ hộ	Nhân khẩu (theo thống kê)	Địa chỉ đang ở	Vị trí phòng dự kiến bố trí ở tạm	Thông số cơ bản				Giá phòng (đồng/tháng)	Dịch vụ vệ sinh (đồng/tháng)	Tổng cộng chi phí thuê ở (đồng/tháng)
					Diện tích phòng (m ²)	Số ở theo thiết kế (người/phòng)	Số giường (chiếc)	Bình nóng lạnh			
25	Nguyễn Ngọc Sơn	4	181	311D	38,40	8	4	Không	1.056.000	64.000	1.120.000
	Tổng cộng	62							25.421.000	1.472.000	26.893.000

Ghi chú:

1. Giá điện: 2.828 đồng/1kW đã bao gồm thuế VAT
2. Giá nước: 18.832 đồng/1m³ đã bao gồm thuế VAT
3. Trông giữ xe:
 - Xe máy, xe máy điện: 50.000đồng/tháng (xe máy điện đã bao gồm chi phí sạc điện)
 - Xe đạp: 20.000đồng/tháng.

Các thông tin, dự kiến kinh phí, giá phòng, dịch vụ tại bảng trên được xác định, dự kiến tại thời điểm lập Phương án và sẽ được cập nhật, xác định cụ thể, chính xác trong quá trình thực hiện bảo đảm quy định pháp luật và phù hợp với thực tế./.